

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST.
Ngày: 17-02-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Thái Thị Dung.

+ Ông Lê Hưng Quang.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 192/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐ-HPT, ngày 10-01-2023 đối với bị cáo:

Mai Thị S., sinh ngày 01-01-1960 tại tỉnh BT.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 02, xã Phước Thê, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Phùng, sinh năm 1929 (đã chết) và bà Phan Thị Lùn, sinh năm 1932 (đã chết); chồng: Lục Điện, sinh năm 1938 và 03 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị L., sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn PD, xã PL, huyện TP, tỉnh BT. (Vắng mặt)

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Trường Duy-Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BT. (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Lục Thị T., sinh năm 1962; (vắng mặt)

+ Nguyễn Thị T., sinh năm 1970; (vắng mặt)

+ Nguyễn Văn H., sinh năm 1974; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 40 phút, ngày 21-10-2022, bà Mai Thị S. xách một giỏ nhựa đựng những chai nước mắm đi đến thôn PĐ, xã PL để bán. Trong quá trình đi tìm người mua thì Mai Thị S. nhìn thấy bà Nguyễn Thị L., sinh năm 1935 đang nằm trên võng trong sân nhà gần cổng ra vào thì nảy sinh ý định tiếp cận để tìm tài sản chiếm đoạt. Bà Sinh đi tới cạnh chỗ cụ Lê đang nằm, ngồi xuống và nói cho cụ Lê tiền ăn bánh và đưa cho cụ Lê 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. Cụ Lê nhận tiền và lấy từ túi áo bên trái ra một cái bóp nhỏ màu đỏ để bỏ tiền vào. Bà Sinh nhìn thấy trong bóp có tiền nên tiếp tục đưa cho cụ Lê 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng nhằm kéo dài thời gian cụ Lê cầm bóp trên tay. Quan sát xung quanh không có ai, bà Sinh giật cái bóp trên tay cụ Lê, mở ra lấy số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, rồi để lại bóp và nhanh chóng rời đi. Lúc này, bà Lục Thị T. là hàng xóm của cụ Lê nhìn thấy bà Sinh có dấu hiệu khả nghi nên đi tới thì bà Sinh bỏ ra khỏi cổng nhà đi theo đường bê tông hướng về xã Phong Phú. Bà Thanh nghe cụ Lê nói bị lấy tiền nên gọi bà Nguyễn Thị T. ở gần đó đến hỗ trợ, bà Thìn đuổi theo bà Sinh, đến đoạn đường bên hông nhà bà Mỹ thì bắt kịp. Bà Sinh nói chỉ lấy của cụ Lê số tiền 200.000 đồng và đưa tiền cho bà Thìn. Về đến nhà cụ Lê, bà Thìn mới biết cụ Lê bị bà Sinh lấy số tiền 900.000 đồng nên bà Thìn tiếp tục quay lại đuổi theo bà Sinh. Khi đi đến trước nhà cộng đồng thôn PĐ, bà Thìn tri hô thì được ông Nguyễn Văn H. là trưởng thôn PĐ đến hỗ trợ, giữ bà Sinh lại. Tại đây, bà Sinh giao nộp tiếp số tiền 700.000 đồng gồm 01 tờ tiền trị giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng.

Về tang, vật chứng và xử lý trách nhiệm dân sự: Cụ Nguyễn Thị L. nhận lại số tiền 900.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Tạm giữ số tiền 80.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 03 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng) được nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP theo Biên lai thu số 0001681 ngày 08-12-2022.

Tại Bản Cáo trạng số 04/CT-VKSTP-HS, ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP đã truy tố về tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng:

+ Điểm g khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Mai Thị S. từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (tháng) đến 03 (ba) năm về tội “Cướp giật tài sản”

+ Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Mai Thị S. thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP đã truy tố và việc truy tố bị cáo là đúng, không oan, bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Mai Thị S. không có ý kiến, cũng như không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện, đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã làm rõ: Với mục đích muốn chiếm đoạt tiền của bị hại, bị cáo Mai Thị S. đã tiếp cận, dùng những tờ tiền có mệnh giá 10.000 đồng và 50.000 đồng nói cho cụ Nguyễn Thị L. ăn bánh. Trong lúc cụ Lê lấy bóp từ trong túi bên trái ra để bỏ tiền bị cáo cho vào thì bị cáo nhanh chóng giật lấy cái bóp của cụ Lê, lấy từ trong bóp ra số tiền 900.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và tẩu thoát. Những người hàng xóm của cụ Lê thấy bị cáo có dấu hiệu khả nghi nên đã truy đuổi theo, tri hô và bắt giữ lại bị cáo tại trước cổng Nhà cộng đồng thôn PĐ, xã PL. Với hành vi này của bị cáo đối với bị hại Nguyễn Thị L. sinh năm 1935 (87 tuổi) đã đủ dấu hiệu để cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Phạm tội đối với người già yếu*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo Mai Thị S. có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi cướp giật nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do không nghề nghiệp, muốn có tiền để tiêu xài mà không cần phải lao động nên đã cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo có tính chất nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng

đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho cộng đồng dân cư và đặc biệt là phạm tội đối với trẻ nhỏ, người già và người neo đơn. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục và cải tạo bị cáo để trở thành công dân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo nhất thời phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi giao trả cho người bị hại, người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ chính, có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác, bị cáo là phụ nữ, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 65 để cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về tang, vật chứng trong vụ án: Tịch thu sung quỹ số tiền 80.000 đồng đã tạm giữ theo Biên lai thu số 0001681 ngày 08-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

[6] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại của Trợ giúp viên pháp lý phù hợp nên chấp nhận.

[8] Bị cáo Mai Thị S. sinh năm 1960 (63 tuổi) nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 268, Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị S. phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị S. **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (17-02-2023).

Giao bị cáo Mai Thị S. cho Ủy ban nhân dân xã Phước Thê, huyện TP, tỉnh BT quản lý và giáo dục. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Tịch thu sung quỹ số tiền **80.000** đồng (Tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001681 ngày 08-12-202 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

Áp dụng: Điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự so thẩm cho bị cáo Mai Thị S..

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-02-2023). Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BT;
- VKSND huyện TP;
- CA huyện TP;
- THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh BT;
- Bị cáo;
- bị hại; TGPL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Huyền